TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 6 - 2026
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Kim Phê;

Ông Nguyễn Thế Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2026/TLST-HNGĐ ngày 05/02/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 45/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Trung T**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn L, xã S, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện nay: 162 A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Trần Quỳnh N**, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn L, xã S, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện nay: 140/40/63/2 đường V, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Cùng có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Nguyễn Trung T, bị đơn bà Nguyễn Trần Quỳnh N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Trung T, bà Nguyễn Trần Quỳnh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên *(Hiện nay là UBND xã S, tỉnh Đắk Lắk)* vào năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế khó khăn và do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Sự việc kéo dài, hai bên nhận thấy không thể chung sống hạnh phúc được nữa nên đã tự sống riêng từ tháng 3/2025. Từ đó, hai bên tự bỏ mặc nhau, không ai còn quan tâm đến ai.

Nay, ông T nhận thấy tình cảm đã hết, xin được ly hôn; bà N thống nhất ly hôn.

- *Về con chung:* Các bên thống nhất khai có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Khánh G, sinh ngày 16/10/2016, Nguyễn Thành L, sinh ngày 06/4/2022, lâu nay các con chung sống tại phía gia đình ông T.

Nay, ông T yêu cầu được nuôi các con, không yêu cầu cấp dưỡng. Bà N yêu cầu giao mỗi người nuôi 01 con; bà N xin nuôi cháu L, giao ông T nuôi cháu G, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra, ông T, bà N không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Trung T, bà Nguyễn Trần Quỳnh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên *(Nay, là UBND xã S, tỉnh Đắk lắk)* vào ngày 13/5/2016 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Ông T, bà N thống nhất khai trong quá trình chung sống, hai bên có mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài, bà N, ông T đã tự sống riêng từ tháng 3/2025 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai.

Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa ông T, bà N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận sự thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Trung T, bà Nguyễn Trần Quỳnh N.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Khánh G, sinh ngày 16/10/2016, Nguyễn Thành L, sinh ngày 06/4/2022, lâu nay do mẹ của ông T tên là Nguyễn Thị Q trực tiếp chăm sóc, còn ông T, bà N đều đi làm ăn xa *(đều đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh).*

Xét: Cả ông T và bà N đều đi làm xa nên để tạo điều kiện thuận lợi cho các bên khi đi làm ăn xa mà vẫn có thể thực hiện tốt việc nuôi con, cần giao cho mỗi người nuôi 01 con là phù hợp.

Mặt khác, cháu G có nguyện vọng sống cùng ông T; cháu L còn nhỏ, cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ nên để cháu G, cháu L phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, chấp nhận yêu cầu của bà N: Giao ông T nuôi cháu G, bà N nuôi cháu L, không ai cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Trung T tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình về yêu cầu xin ly hôn: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nên chấp nhận sự tự nguyện của ông T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Trần Quỳnh N.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà N:

+ Giao con chung tên là Nguyễn Ngọc Khánh G, sinh ngày 16/10/2016 cho ông Nguyễn Trung T nuôi dưỡng;

+ Giao con chung tên là Nguyễn Thành L, sinh ngày 06/4/2022 cho bà Nguyễn Trần Quỳnh N nuôi dưỡng.

Người đang trực tiếp chăm sóc cháu L có trách nhiệm giao cháu L cho bà N nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Trung T, bà Nguyễn Trần Quỳnh N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Nguyễn Trung T tự nguyện chịu: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0001563 ngày 05/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, ông Nguyễn Trung T đã nộp xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 13 –Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 13- Đắk Lắk ;
- UBND xã Sơn Thành, tỉnh Đắk Lắk;

(GĐKKH số 27 ngày 13/5/2016);

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

Lê Thanh Huệ